

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM
Số:01/2019/QĐ-PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 16 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Long
Ông Huỳnh Nguyên

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 86/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo như sau:

Ngày 03/12/2018, bị đơn bà Lê Thị Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Yêu cầu thu thập chứng cứ, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn bà Lê Thị Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 289, 295 và Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2018/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn*”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Thành Q, sinh năm 1966. (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Số 59 Đ, thành phố K, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Khu tập thể (số 216 D, thành phố K, tỉnh K).

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 59 Đ, thành phố K, tỉnh K.

2. Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 86/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Lê Thị Ngọc D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002433 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum được sung vào công quỹ nhà nước.

4. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án có hiệu lực thi hành án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND thành phố Kon Tum;
- Chi cục THA thành phố Ktum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 69-DS:

(1) và (2) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày... tháng... năm... nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (nếu có).

